

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày 20- 6- 2018

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Bảo

2. Ông Trần Trọng Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Sỹ H, năm 1989

Trú tại: Xóm 2, tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Xóm 2, tổ dân phố M, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang - Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 13/3/2018, bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Sỹ H trình bày: Năm 2008 anh và chị Nguyễn Thị L cùng làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh và đã gặp nhau, sau một thời gian tìm hiểu tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình), vào ngày 08/9/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh tại xã T, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh phải đi làm ăn xa. Đến tháng 7/2014, chị L bỏ nhà đi mà không nói với ai, để lại con cho ông bà nội nuôi. Sau khi anh biết địa chỉ chỗ ở mới của chị L, anh đã gọi điện, đến gặp chị L để vợ chồng bàn bạc, bỏ qua lỗi lầm cho nhau, cùng nhau nuôi dạy con chung và

xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị L không về. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân nên tình cảm không còn, vì vậy anh xin được ly hôn với chị L. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là: Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/11/2009, nếu ly hôn nguyện vọng của anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vì hiện tại con đang ở với anh, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại đơn xin xử vắng mặt ngày 17/5/2018 chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Sỹ H tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 08/9/2009. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống do tính tình không hợp nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2014 đến nay. Nay anh H làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/11/2009. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Sỹ H có đơn yêu cầu ly hôn chị Nguyễn Thị L, hiện tại anh H và chị L có hộ khẩu thường trú tại phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị L song xét thấy do điều kiện công việc, hoàn cảnh gia đình ở xa và đi lại khó khăn nên chị L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hùng và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là UBND phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình), vào ngày 08/9/2009. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được hôn với chị L. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn

nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Sỹ H là hoàn toàn phù hợp, cần được chấp nhận. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Nguyễn Sỹ H được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/11/2009. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh H xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, vì hiện tại con đang ở với anh. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H ở với anh H và hiện tại cháu H đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với bố. Vì vậy, xét nguyện vọng của anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con là hoàn toàn chính đáng và phù hợp. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Quá trình chung sống anh H và chị L không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Sỹ H phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị L
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Sỹ H được ly hôn với chị Nguyễn Thị L
3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/11/2009 cho anh Nguyễn Sỹ H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
4. Về tài sản chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc anh Nguyễn Sỹ H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002079, ngày 16/3/2018.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

*(Đã ký)*

**Tưởng Thị Hà**